

Số: 03/QĐ-MNVH

Tân Bình, ngày 03 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024
của Trường Mầm Non Vườn Hồng**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 979/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND quận Tân Bình về phân bổ dự toán chi Ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị Khối Giáo dục quận Tân Bình;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của trường Mầm Non Vườn Hồng (theo biểu đính kèm-Biểu số 2)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hiệu trưởng, kế toán và các bộ phận có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Lưu :VT, KT



Nguyễn Thị Thùy Vân

Biểu số 2 – Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính
 Đơn vị: **Trường Mầm Non Vườn Hồng**
 Chương: 622



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 979/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND quận Tân Bình)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
2	Chi quản lý hành chính	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.630.848.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	5.630.848.000
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	5.630.848.000
3.1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	2.400.599.000
	- Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.400.599.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.083.842.000
	- Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.083.842.000
	- Chính sách hỗ trợ GVMN theo Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐND và Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND	307.897.000
	- Chính sách thu hút GVMN theo Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐND và Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND	186.150.000
	- Trả lương dạy thêm giờ cho nhà giáo theo Thông tư 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC	174.942.000
	- Chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho năm học 2023-2024 theo Nghị quyết 36/2023/NQ-HĐND '+ Nhà trẻ : 100.000đ/HS; Mẫu giáo : 140.000đ/HS	135.000.000
	- Kinh phí sửa chữa hệ thống phòng cháy chữa cháy	279.853.000
3.3	Nguồn cải cách tiền lương ngân sách phân bổ	2.146.407.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	

3	Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chỉ bảo đảm xã hội	
6	Chỉ hoạt động kinh tế	
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chỉ quản lý hành chính	
2	Chỉ sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chỉ bảo đảm xã hội	
6	Chỉ hoạt động kinh tế	
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao	